TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2022/QĐST-HNGĐ	*Thành phố L, ngày 10 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số nhà 155, phố T, tổ 2, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Ông Trịnh Văn M, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số nhà 155, phố T, tổ 2, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 3, phường S, thị xã M, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 54, 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Trần Thị T và ông Trịnh Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Trịnh Văn M đều thuận tình ly hôn.

- Về việc nuôi con: Bà Trần Thị T và ông Trịnh Văn M không có con chung.

- Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Bà Trần Thị T và ông Trịnh Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T và ông Trịnh Văn M mỗi người phải chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, ông M nhất trí để bà T nộp thay số tiền án phí mà ông M phải nộp là 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*. Tổng cộng bà T phải nộp là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trần Thị T số tiền 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000570 ngày 11/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lai Châu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN
(Đã ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu;
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố L;
- Chi cục THA dân sự thành phố L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Bích Nga